TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số:**92/2025/HSST**

Ngày: **06/06/2025**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N1 VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tự Hiếu

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Long và bà Lê Thị Thu Hạnh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh Trì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên toà: Ông Trịnh Minh Sỹ - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 06 năm 2025, Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2025/TLST- HS ngày 19/05/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXX- ST ngày 23/05/2025 đối với bị cáo:

*** Họ và tên: Đàm Văn Đ,** sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn A, xã V, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên bố: Đàm Văn Đ1 (đã chết); Họ và tên mẹ: Trịnh Thị L; Vợ: Nguyễn Thị U, có 02 con: Lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016.

Theo danh chỉ bản số 289 ngày 27/03/2025 của Công an thành phố Hà Nội lập và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo có 01 tiền án: Bản án số 117/2024/HSST ngày 24/05/2024, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 16 tháng về tội "Đánh bạc".

Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/03/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*** Bị hại**: **Công ty CP xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng đô thị V**

Trụ sở: Thôn L, xã M, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Đức M- Giám đốc Công ty

(Ông M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, N1 vụ liên quan:**

- Công ty TNHH vận tải N

Trụ sở: Số X ngách Y phố H, phường Ô, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị N- Giám đốc Công ty

(Bà N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1994

Trú tại: Thôn N, xã L, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội

(Anh N1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Anh Lò Văn Y, sinh năm 1999;

Trú tại: Xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu

(Anh Y vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Chị Vũ Thị T, sinh năm 1979 và anh Phạm Văn Đ1, sinh năm 1976

Trú tại: Số X tổ Y phường Y, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

(Chị T và anh Đ1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Chị Ngô Thị M, sinh năm 1979

Trú tại: Khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

(Chị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Anh Nghiêm Văn T1, sinh năm 1972

Trú tại: Thôn Cầu Cả, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

(Anh T1 vắng mặt)

- Anh Phạm Văn K, sinh năm 1973

Trú tại: Xóm T, xã Y, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

(Anh K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng đô thị V gọi tắt là Công ty V đang thực hiện dự án nước thải sông Tô Lịch (thuộc dự án nước thải thành phố Hà Nội), ngày 29/02/2024, anh Trần Hồng H là kỹ sư xây dựng và bảo vệ công

trường thuộc Công ty V tập kết 11 cây Cừ thép Larsen hình chữ U (mỗi 01 cây dài 09 mét và nặng khoảng 680kg/cây) tại khu vực bãi đất trống gần cầu Bắc Linh Đàm, xã Thanh Liệt, Thanh Trì, để thi công kè bờ sông. Quá trình tập kết để tại khu vực bãi đất trống gần cầu Bắc Linh Đàm thì có anh H và Nguyễn Hữu T là bảo vệ việc trông coi, quản lý, tuy nhiên việc quản lý không nghiêm ngặt. Đầu tháng 3/2024, Đàm Văn Đ đi lang thang thì nhìn thấy 11 cây Cừ thép không ai trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số Cừ thép Larsen trên để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Để chuẩn bị và thực hiện hành vi trộm cắp, Đ điều khiển xe máy một mình đến cửa hàng thu mua sắt vụn, phế liệu của anh Phạm Văn Đ1 và vợ là Vũ Thị T liên hệ thống nhất mua bán sắt với giá 9.5000 đồng/1kg. Tiếp đến, Đ trực tiếp đến bãi xe của Công ty TNHH vận tải N tại địa chỉ trạm cân 150 tấn, Km 2, Đại lộ Thăng Long, Nam Từ Liêm, để liên hệ tìm xe cẩu sắt thì gặp Chu Văn N2 (SN: 1999; HKTT: Đại Cương, Kim Bảng, Hà Nam) và được N2 cho số điện thoại của Nguyễn Văn N1 để liên hệ trực tiếp. Đ và N1 T1 thuận, thống nhất thuê xe cẩu để cẩu khoảng 07 tấn sắt Cừ thép Larsen dài khoảng 07 mét vào ban đêm (chưa rõ ngày nào) ở khu vực cầu mới Kim Giang, Thanh Liệt, Thanh Trì, và chở về khu vực ngã 3 Yên Sở - Tam Trinh thuộc Hoàng Mai, Hà Nội với giá là 2.500.000đ/1 chuyến. Khoảng hơn 1 giờ ngày 02/3/2024, Đ sử dụng số điện thoại 0983954473 gọi đến số điện thoại 0973352650 của N1 và bảo N mang theo dây xích rồi đón Đ ở khu vực làng Cót, Cầu Giấy, Hà Nội để đi cẩu cây Cừ thép Larsen theo như T1 thuận trước đó. N1 báo cho Lò Văn Y là người làm cùng Công ty với N1 và là lái xe cẩu tự hành BKS: 29H – 859.68 chở N1 đi đón Đ và được Đ hướng dẫn đến khu vực cầu mới Kim Giang, Thanh Liệt, Thanh Trì để cẩu cây Cừ thép Larsen. Tới nơi, quan sát thấy có 11 cây Cừ thép Larsen xếp sẵn ở khu vực cạnh bờ sông Cầu mới Thanh Liệt đi Linh Đàm; không có ai trông coi, quản lý nên Đ bảo N1, Y cẩu lên xe. N1 là người cẩu trực tiếp còn Y và Đ là người móc, tháo dây xích trong quá trình cẩu Cừ thép Larsen. Khi cẩu số Cừ thép Larsen lên xe, N1 phát hiện loại Cừ thép Larsen này không phải loại 07 mét mà là loại 09 mét nên chỉ cẩu tổng số 08 cây Cừ thép Larsen chứ không cẩu hết 11 cây Cừ thép Larsen do quá trọng tải, nên Đ bảo N1 là 03 cây Cừ thép Larsen còn lại để cẩu sau vì số Cừ thép Larsen này là làm công trình còn thừa nên chưa vội. Quá trình cẩu diễn ra trong thời gian là 34 phút và không thấy có bảo vệ trông coi, không có ai ra ngăn cản. Sau khi cẩu xong, N1 lái xe cẩu cùng Y và Đ ngồi trong cabin về cửa hàng thu mua sắt vụn của anh Phạm Văn Đ1. Trên đường di chuyển, Đ sử dụng số điện thoại 0983954473 gọi vào số điện thoại 0936815344 của anh Đ1 để liên hệ bán sắt trước, khi tới cửa hàng anh Đ1 thì N1

trực tiếp cẩu hạ 08 Cừ thép Larsen xuống dưới đất rồi chờ thanh toán tiền, còn Đ1, T dùng máy cắt bằng hơi tại cửa hàng sắt vụn cắt 01 mét của 01 Cừ thép Larsen ra để cân thử tính số lượng sắt vụn. Sau khi cân nặng, trao đổi, tính toán, thống nhất Đ bán cho Đ1, T toàn bộ số Cừ thép Larsen trên với số tiền 47.000.000 đồng. T trả trực tiếp cho Đ số tiền 17.000.000 đồng và dùng số tài khoản của mình là 28819798888 tại Ngân hàng MB Bank chuyển đến số tài khoản 0346178603 của Đ tại Ngân hàng MB Bank số tiền 30.000.000 đồng. Thanh toán xong, Y lái xe cẩu chở N1 và Đ về; trên đường về thì Đ đưa cho N1 số tiền 3.000.000 đồng và đưa cho Y 01 tờ 500.000 đồng, trong đó 2.500.000 đồng là tiền công thuê cẩu còn cho riêng N1 và Y mỗi người 500.000 đồng để bồi dưỡng làm đêm. Tới khu vực nút giao Big C Thăng Long thì Đ xuống xe tự về còn N1, Y điều khiển xe cẩu về bãi xe. Ngay sau khi mua số Cừ thép Larsen trên, T liên hệ để bán cho Ngô Thị M là chủ cửa hàng mua bán sắt vụn tại Bắc Ninh với số tiền là 66.424.000 đồng nhưng làm tròn thành 66.000.000 đồng thì M đồng ý. M sử dụng số tài khoản 4330340996 tên mình tại Ngân hàng BIDV chuyển đến số tài khoản 28819798888 tại Ngân hàng MB Bank mang tên Vũ Thị T số tiền 66.000.000 đồng nhưng chuyển thành 03 lần với lần lượt số tiền là 30.000.000 đồng, 3.600.000 đồng và 32.400.000 đồng. Sau đó, M gọi cho chồng là Đỗ Văn Q bảo sang nhà T để cẩu hàng về thì Q đồng ý và rủ em trai ruột là Đỗ Văn Q1 đi cùng. Q1 điều khiển xe cẩu tự hành BKS: 20C-102.10 chở Q đến cửa hàng của Đ1, T rồi cẩu chở số Cừ thép Larsen về để ở bãi nhà mình tại Bắc Ninh. Khi phát hiện số Cừ thép Larsen trên có nhiều bụi đất bám, M liên hệ lại với T và thống nhất giảm số tiền mua bán sắt cừ từ 66.000.000 đồng xuống 51.000.000 đồng. Đến ngày 07/03/2024, M liên hệ bán 08 Cừ thép Larsen trên cho Nghiêm Văn T1 với giá 73.200.000 đồng, T yêu cầu M cắt đôi thành 16 thanh sắt để vận chuyển thuận lợi. T1 cho người đến cẩu số sắt trên mang về Đông Anh, Hà Nội rồi bảo Nguyễn Thị Phương là kế toán Công ty thanh toán tiền cho M. Chị Phương sử dụng số tài khoản 12410006789789 tên mình tại Ngân hàng BIDV chuyển khoản số tiền 73.200.000 đồng đến số tài khoản 4330340996 tại Ngân hàng BIDV để thanh toán. Cuối cùng, T1 liên hệ bán cho anh Phạm Văn K là đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn An Khánh 87 tổng số 30 thanh sắt Cừ thép (trong đó có 16 thanh Cừ thép Larsen mà T1 mua của M và 14 thanh sắt Cừ khác) với tổng số tiền là 150.378.000 đồng bao gồm cả tiền cước vận chuyển. Khải sử dụng số tài khoản 45511661973 tại Ngân hàng BIDV chuyển đến số tài khoản 0866886669 tại Ngân hàng VPBank mang tên Nghiêm Văn T1 số tiền 100.000.000 đồng rồi giao cho Nguyễn Hữu Tân (SN: 1981; HKTT: Yên Trị, Yên Thủy, Hòa Bình) nhận hàng và

thanh toán nốt. Sau khi nhận hàng, Tân báo lại cho anh K rồi sử dụng tài khoản số 3011366710012 tại Ngân hàng Agribank chuyển khoản số tiền 50.378.000 đồng đến số tài khoản 0981019292 tại Ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thị Phương. Riêng đối với 16 thanh Cừ thép Larsen với tổng chiều dài là 71,24 mét (mỗi mét sắt dài nặng 76kg) liên quan đến vụ án, anh K mua của T1 giá 15.000đ/1kg thành tiền là 81.213.600 đồng. Đến ngày 14/3/2024, sau khi được thông báo số tài sản trên do phạm tội mà có nên anh K đã tự nguyện giao nộp cho CQĐT để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 02/03/2024 anh Trần Hồng H đến Công an xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì trình báo việc như trên.

Ngày 08/04/2024, CQĐT ra yêu cầu định giá tài sản số 2737/YC-ĐTHS yêu cầu định giá số Cừ thép Larsen mà Đ trộm cắp. Ngày 04/06/2024 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Trì có kết luận số 76/KL-HĐĐGTS kết luận: 08 Cừ Larsen (cọc thép chữ U) đã qua sử dụng có giá trị: 82.200.000 đồng.

Sau khi trộm cắp và bán 08 thanh Cừ thép Larsen, Đ đã bỏ trốn, CQĐT đã ra Quyết định truy nã đối với Đ, ngày 24/03/2025 Công an phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm đã bắt được Đ theo Quyết định truy nã, quá trình trốn Đ không phạm tội mới và đã đánh rơi chiếc ĐTDĐ có số 0983954473, sau đó Đ mua ĐTDĐ Vivo V23e màu xanh đã qua sử dụng và liên lạc cá nhân.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho chị Vũ Thị T, anh Phạm Văn Đ1, Nguyễn Văn N1, Lò Văn Y nhận dạng Đàm Văn Đ. Kết quả những người trên đã nhận ra Đ là người đã trộm cắp và bán số Cừ thép Larsen trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải Đ đến vị trí trộm cắp tại khu vực bãi đất trống gần cầu Bắc Linh Đàm, xã Thanh Liệt, Thanh Trì và vị trí Đ bán tại cửa hàng thu mua phế liệu. Kết quả Đ đã chỉ đúng các vị trí trên.

Quá trình điều tra, CQĐT thu giữ

- Đối với 16 thanh Cừ thép Larsen được cắt đôi từ 08 chiếc Cừ Larsen mà Đ thực hiện hành vi trộm cắp. Xác định thuộc quyền sở hữu của Công ty V nên cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho đại diện Công ty V là anh Trần Hồng H, anh H nhận lại và không có yêu cầu đề nghị gì.

- Đối với số tiền 3.500.000 đồng trong đó 2.500.000 đồng là tiền công Đ thuê N1, Y cẩu chở sắt còn 1.000.000 đồng là tiền Đ cho riêng N1 và Y mỗi người 500.000 đồng, N1 và Y tự nguyện nộp lại cho Cơ quan điều tra, cần tiếp tục tạm giữ chuyển Cơ quan THADS huyện Thanh Trì để giải quyết theo quy định.

- Đối với 01 ví da màu đen đã qua sử dụng; 01 CCCD số 001083060010; 01 giấy phép lái xe hạng C; 01 đăng ký xe Liberty BKS 30P8 – 1616; 01 thẻ visa MB đều mang tên Đàm Văn Đ; 01 điện thoại di động Vivo V23e màu xanh đã qua sử dụng cùng số tiền 1.000.000 đồng: Xác định là đồ vật, tài sản cá nhân của Đ không liên quan đến vụ án; Đ có đề nghị trả cho chị gái là Đàm Thị L (SN: 1979; HKTT: Tả Thanh Oai, Thanh Trì để bảo quản nên Cơ quan điều tra đã quyết định trao trả cho chị L theo quy định.

Đối với anh Phạm Văn Đ1 và vợ là Vũ Thị T; Nguyễn Văn N1; Lò Văn Y có hỏi nguồn gốc số Cừ thép Larsen thì Đ bảo là số Cừ thép thừa bán thanh lý. lên anh Đ1, chị T; anh N1; Y không biết là tài sản do phạm tội mà có, do đó CQĐT không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với trách nhiệm bồi thường dân sự: Đàm Văn Đ có nhờ chị gái là Đàm Thị L lấy tiền lương, tiền tiết kiệm của Đ để ở nhà để bồi thường 82.200.000 đồng cho anh Phạm Văn K, anh K đã nhận đủ và không yêu cầu bồi thường về dân sự, có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Đ.

Tại bản cáo trạng số 81/CT- VKS ngày 19/05/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo Đàm Văn Đ về hành vi "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Bị cáo Đàm Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, không kêu oan, chỉ mong HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

- Bị hại là Công ty V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Công ty V đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì về dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Công ty V theo Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH vận tải N, anh Nguyễn Văn N1, anh Lò Văn Y, chị Vũ Thị T, anh Phạm Văn Đ1, chị Ngô Thị M và anh Phạm Văn K đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nghiêm Văn T1 vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt anh T1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T1 theo Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Thanh Trì duy trì công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị như sau:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt Đàm Văn Đ mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù

* Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

***** Về trách nhiệm dân sự: Công ty V đã nhận lại tài sản, anh K đã được bồi thường, không có ý kiến gì về dân sự nên không xem xét.

* Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 2.500.000 đồng tiền công bị cáo Đ thuê xe cần trả Công ty N. Đối với số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Đ tự nguyện bồi dưỡng cần trả cho anh N1 và anh Y

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi tố tụng của Cơ quan CSĐT- Công an huyện Thanh Trì, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, N1 vụ liên quan đã xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nghiêm Văn T1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Cơ quan điều tra triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo Đàm Văn Đ tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Đơn trình báo của bị hại, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản bắt giữ người bị truy nã, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường, bản ảnh, Biên bản định giá tài sản cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Công ty V đang thực hiện dự án nước thải sông Tô Lịch có tập kết 11 cây Cừ thép Larsen hình chữ U dài 09 mét tại khu vực bãi đất trống gần cầu Bắc Linh Đàm, xã Thanh Liệt, Thanh Trì, để thi công kè bờ sông. Khoảng hơn 01 giờ ngày 02/03/2024, lợi dụng ban đêm, không có người trông giữ, Đàm Văn Đ đã thuê anh Nguyễn Văn N1 và anh Lò Văn Y là nhân viên của Công ty TNHH vận tải N đến cẩu 08 cây Cừ thép Larsen hình chữ U (mỗi 01 cây dài 09 mét và nặng khoảng 680kg/cây) trị giá 82.200.000 đồng rồi đem bán cho anh Phạm Văn Đ1 và chị Vũ Thị T để chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo Đàm Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo Đàm Văn Đ với tội danh "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[4]. Xét nhân thân bị cáo có 01 tiền án: Bản án số 117/2024/HSST ngày 24/05/2024, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 16 tháng về tội "Đánh bạc". Bản án này chưa được xóa án tích nhưng trước khi cho hưởng án treo, ngày 02/03/2024, bị cáo Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Căn cứ theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/08/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: "2. Trường hợp người đang được hưởng án treo mà lại phát hiện trước khi được hưởng án treo họ đã thực hiện một tội phạm khác thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm đó và không tổng hợp hình phạt với bản án cho hưởng án treo. Trong trường hợp này, người phạm tội phải đồng thời chấp hành 02 bản án….". Hành vi phạm tội của bị cáo Đ lần này cũng không thuộc trường hợp tái phạm, nhưng điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo đã được cơ quan pháp luật giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học mà do nhu cầu tiêu sài của bản thân nên đã phạm tội. Do đó cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5]. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn ăn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho anh K, anh K có ý kiến đề nghị

xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]. Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Công ty V đã nhận lại tài sản, anh K đã được bồi thường, không có ý kiến gì về dân sự do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 2.500.000 đồng tiền công bị cáo Đ thuê xe của Công ty N. Xét thấy đây là giao dịch ngay thẳng nên cần trả cho Công ty N.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Đ bồi dưỡng cho anh N1 và anh Y. Xét thấy đây là số tiền bị cáo Đ tự nguyện bồi dưỡng cho anh N1 và anh Y nghĩ nên trả cho anh N1 và anh Y

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

[10]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, N1 vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, không áp dụng hình phạt bổ sung, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Đàm Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106, Điều 135, Điều 328, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử phạt: Bị cáo Đàm Văn Đ 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/03/2025.

*** Về hình phạt bổ sung**: Miễn hình phạt tiền cho bị cáo

*** Về trách nhiệm dân sự:** Không xem xét.

*** Về xử lý vật chứng:** Công ty TNHH vận tải N được nhận số tiền **2.500.000 đồng** (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Văn N1 và anh Lò Văn Y mỗi người được nhận số tiền **500.000 đồng** (Năm trăm nghìn đồng) theo Phiếu hạch toán nộp tiền mặt vào tài khoản số 39490104809400000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì ngày 05/06/2025.

*** Về án phí**: Bị cáo Đàm Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng đô thị V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải N, anh Nguyễn Văn N1, anh Lò Văn Y, chị Vũ Thị T, anh Phạm Văn Đ1, chị Ngô Thị M, anh Nghiêm Văn T1 và anh Phạm Văn K vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội*
- *Công an TP. Hà Nội*
- *VKSND huyện Thanh Trì*
- *Chi cục THADS huyện Thanh Trì*
- *Bị cáo, bị hại, NLQ*
- *Thi hành án hình sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án; VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu